

Research

CHƯƠNG 5 (tiếp):

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VÀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÀI



ThS. Nguyễn Thị Vũ Hà
Khoa Kinh tế Quốc tế, COE, ĐHQGHN



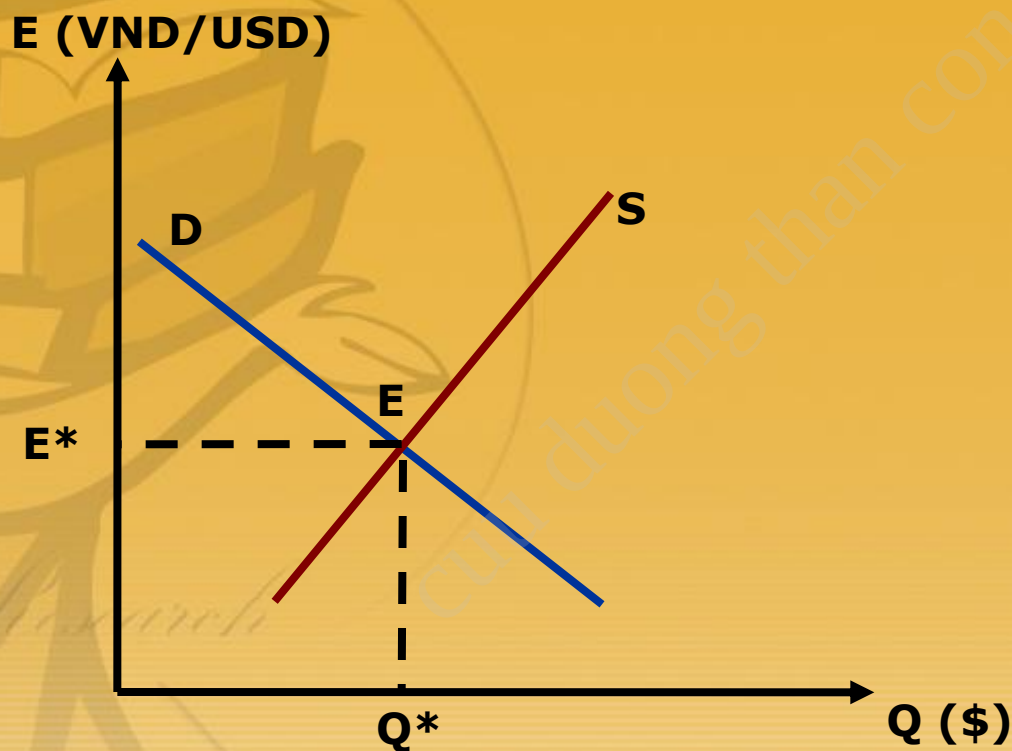
Sự cân bằng của TGHĐ (mô hình cung – cầu)

Các giả định:

- ngoại tệ chỉ sử dụng cho các giao dịch XNK H, dịch vụ
- sau khi hoàn thành giao dịch XNK mỗi bên đều muốn có trong tay đồng tiền của nước mình.
- ➔ NK sẽ tạo cầu về ngoại tệ đồng thời tạo cung về nội tệ
- ➔ XK tạo cung về ngoại tệ và cầu về nội tệ.
- Trên FX, các nhà XNK Việt Nam có giao dịch buôn bán với Mỹ



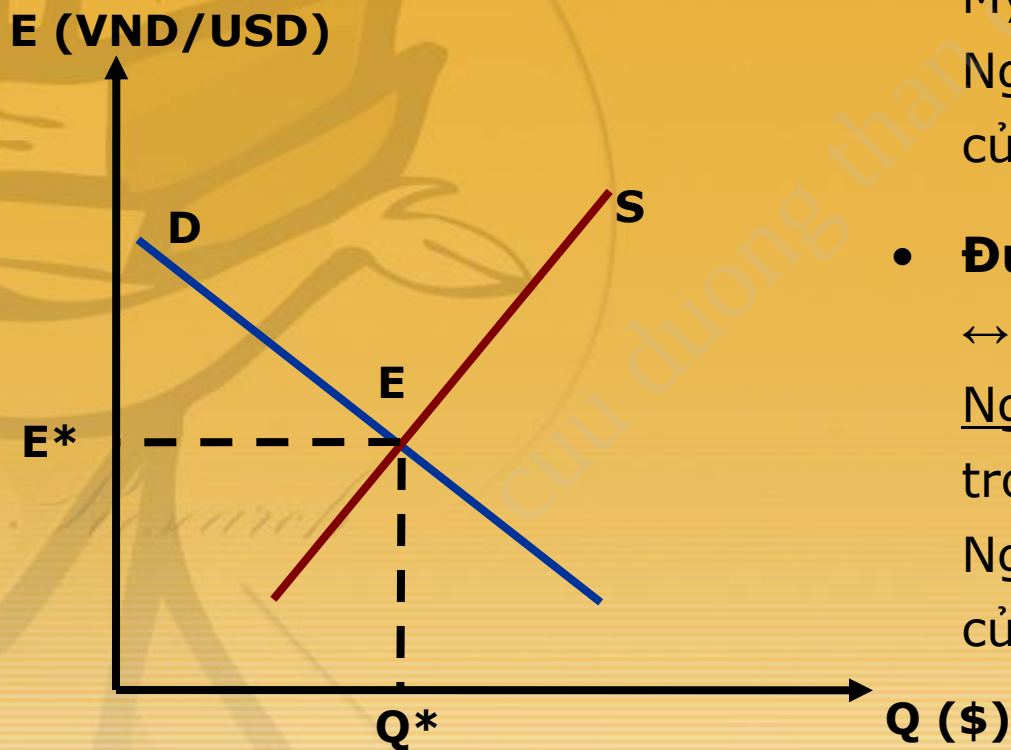
Sự cân bằng của TGHĐ (mô hình cung – cầu)



Trong đk của hệ thống tỷ giá linh hoạt ngày nay, giá của USD tính bằng VND sẽ được xác định bởi sự giao nhau giữa đường cầu và đường cung về USD trên FX $\rightarrow$ điểm $E(E^*, Q^*)$ xác định tỷ giá hối đoái và lượng USD cân bằng



Sự cân bằng của TGHD (mô hình cung – cầu)

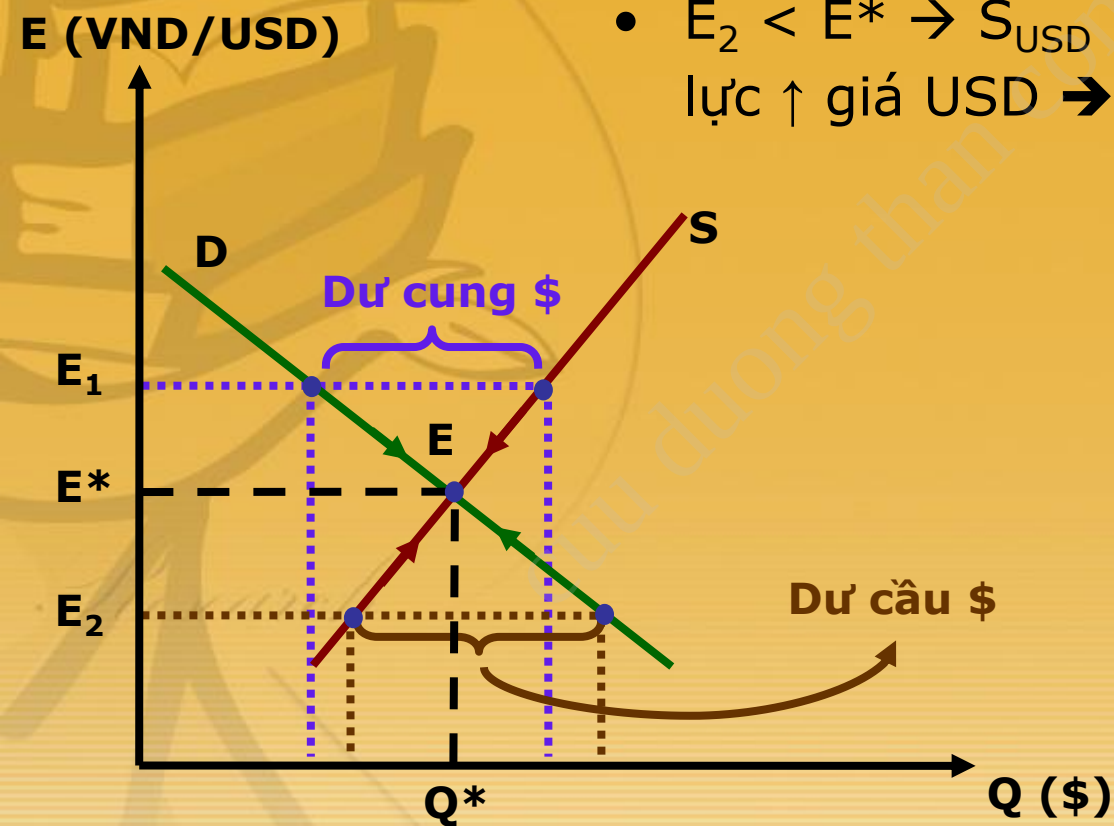


- **Đường cầu USD có độ dốc âm**
 $\leftrightarrow E \downarrow \rightarrow D_{USD} \uparrow$.
Nguyên nhân: khi E thấp thì H của Mỹ sẽ rẻ hơn đối với người VN $\rightarrow$ Người VN có xu hướng TD nhiều H của Mỹ hơn. NK H từ Mỹ $\uparrow \rightarrow D_{USD} \uparrow$
- **Đường cung USD có độ dốc dương**
 $\leftrightarrow E \uparrow \rightarrow S_{USD} \uparrow$.
Nguyên nhân: khi E cao thì H của VN trở nên rẻ hơn đối với người Mỹ. Người Mỹ có xu hướng tiêu dùng H của VN nhiều hơn $\rightarrow S_{USD} \uparrow$.



Sự cân bằng của TGHĐ (mô hình cung – cầu)

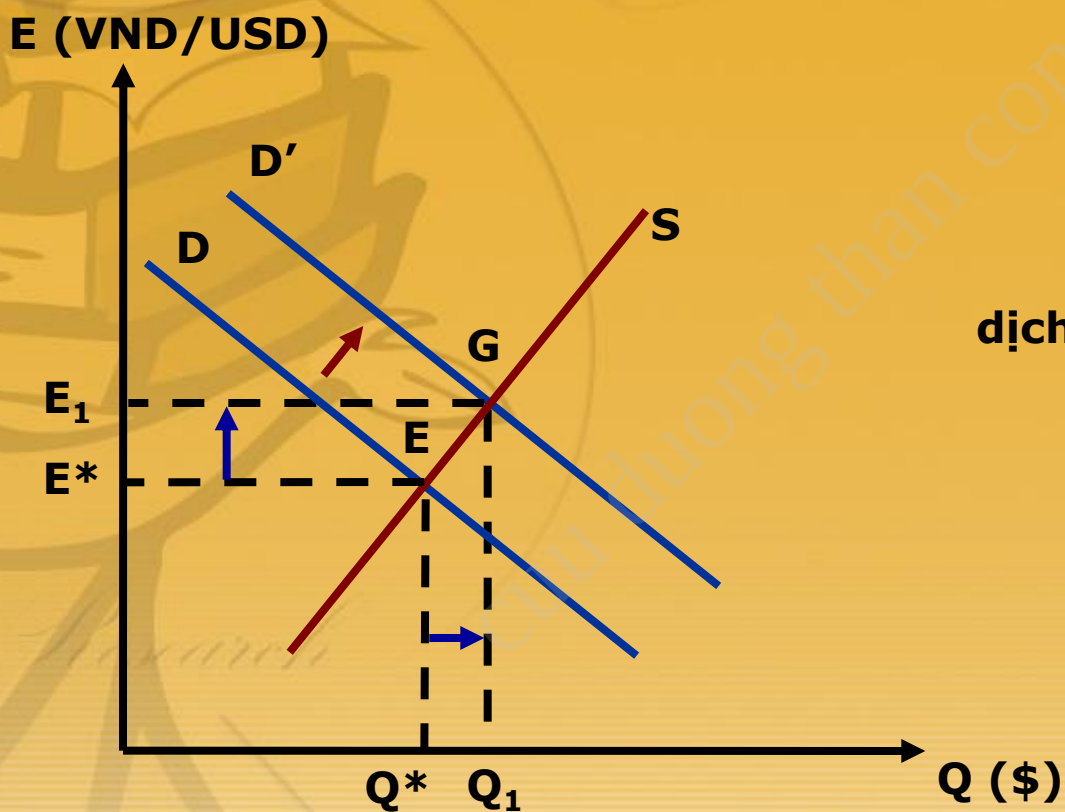
- $E_1 > E^* \rightarrow S_{USD} > D_{USD} \rightarrow$ dư cung USD $\rightarrow$ áp lực $\downarrow$ giá USD $\rightarrow E \downarrow$ tới mức cân bằng E^*
- $E_2 < E^* \rightarrow S_{USD} < D_{USD} \rightarrow$ dư cầu USD $\rightarrow$ áp lực $\uparrow$ giá USD $\rightarrow E \uparrow$ tới mức cân bằng E^*





Sự cân bằng của TGHĐ (mô hình cung – cầu)

Chế độ tỷ giá thả nổi



sở thích của NTD Việt Nam
đối với H của Mỹ $\uparrow$

cầu của Việt Nam về USD
dịch chuyển lên phía trên ($D \rightarrow D'$)

$E \uparrow (E^* \rightarrow E_1)$
 $Q \uparrow (Q^* \rightarrow Q_1)$

VND bị mất giá

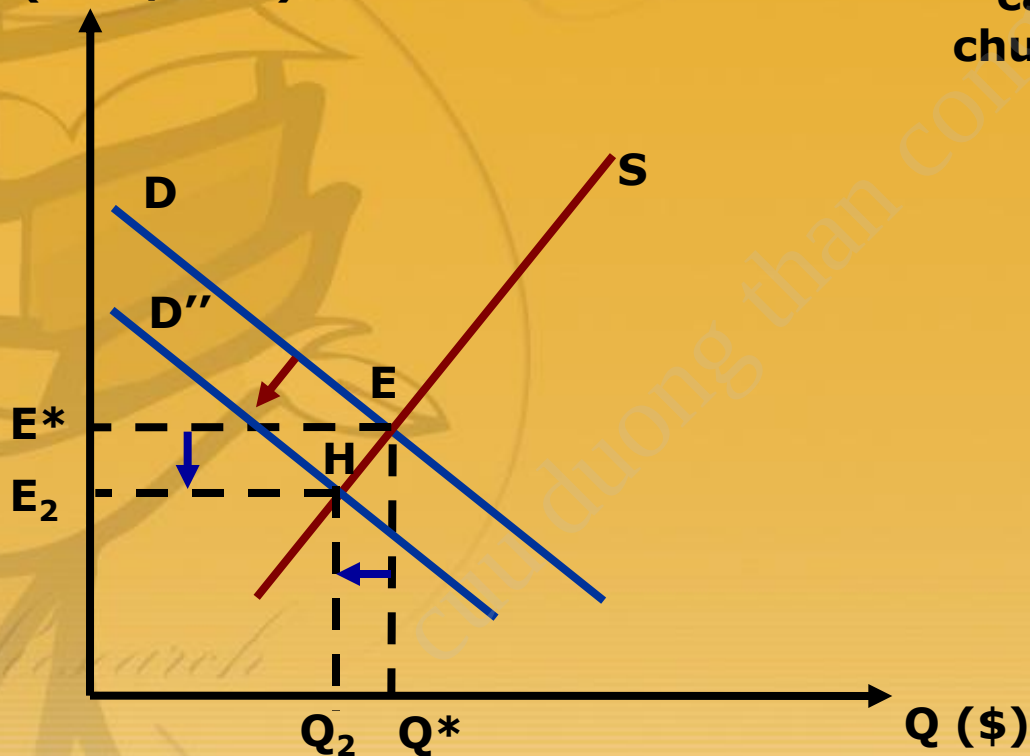


Sự cân bằng của TGHĐ (mô hình cung – cầu)

Chế độ tỷ giá thả nổi

E (VND/USD)

cầu của Việt Nam về USD dịch chuyển xuống phía dưới ($D \rightarrow D''$)



$E \downarrow (E^* \rightarrow E_2)$
 $Q \downarrow (Q^* \rightarrow Q_2)$

VND $\uparrow$ giá

sự $\uparrow$ giá của nội tệ có nghĩa là sự $\downarrow$ giá của ngoại tệ và ngược lại



Sự cân bằng của TGHD (mô hình cung – cầu)

sở thích của NTD Việt Nam
đối với H của Mỹ $\uparrow$

cầu của Việt Nam về USD dịch
chuyển lên phía trên ($D_1 \rightarrow D_2$)

USD bị sức ép $\uparrow$ giá
($E_2 > E_1$)

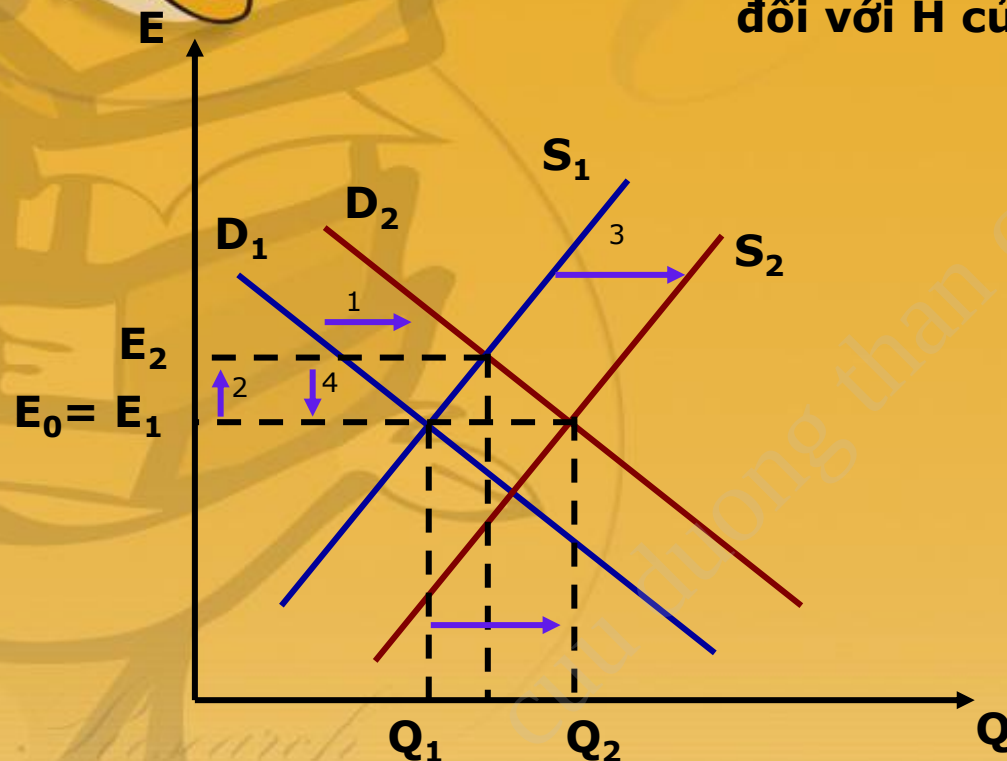
**TGHD cố định
tại $E_1 = E_0$**

NHTW can thiệp bằng cách
mua VND và bán USD

$E_2 \rightarrow E_0$ $\leftarrow$ $S_1 \rightarrow S_2$

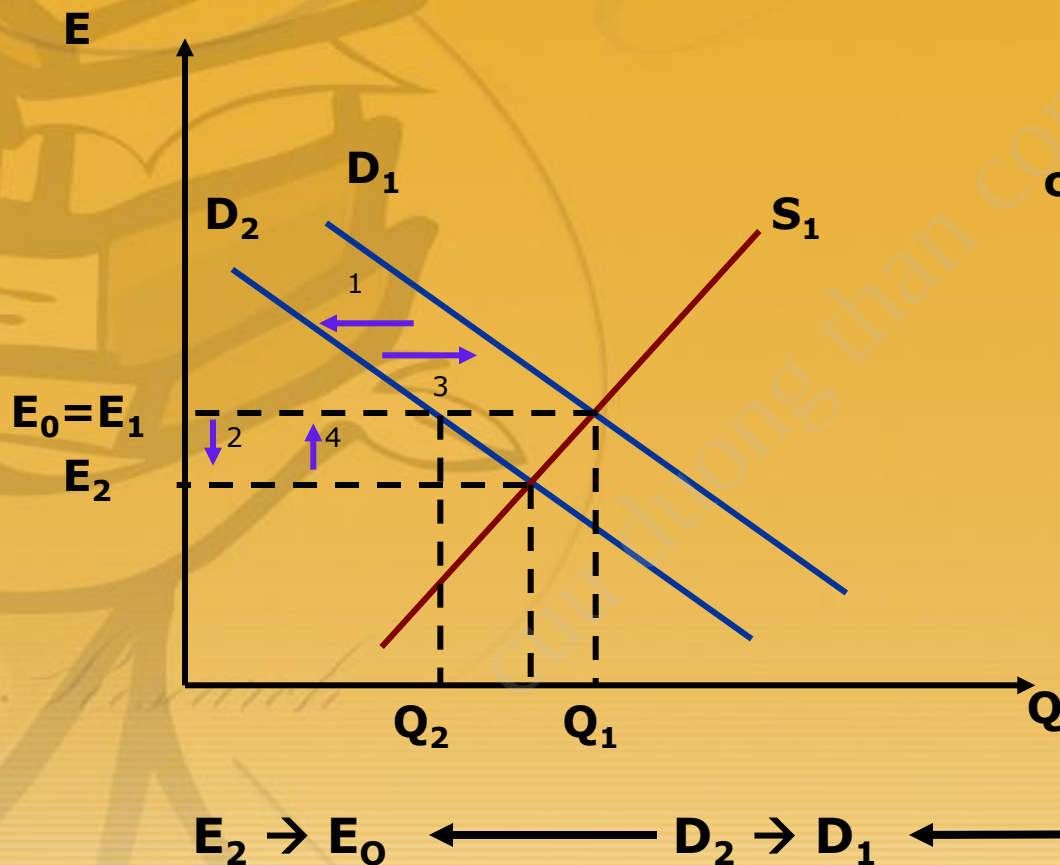
**dự trữ ngoại tệ = 0 $\rightarrow$ buộc
phải thả nổi TGHD sau đó**

**Dự trữ ngoại tệ
của VN $\downarrow$**





Sự cân bằng của TGHĐ (mô hình cung – cầu)



sở thích của NTD Việt Nam
đối với H của Mỹ ↓

cầu của Việt Nam về USD dịch
chuyển xuống phía dưới ($D_1 \rightarrow D_2$)

USD bị sức ép ↓ giá
($E_2 < E_1$)

**TGHĐ cố định
tại $E_1 = E_0$**

NHTW can thiệp bằng cách
bán VND và mua USD



Các nhân tố tác động đến TGHĐ

- ✓ cán cân tài khoản vãng lai
- ✓ thu nhập thực tế
- ✓ lãi suất thực tế
- ✓ mức lạm phát
- ✓ sự ưa thích của NTD đối với sp nội địa và nước ngoài
- ✓ sự thay đổi của NSLĐ tác động đến CPSX
- ✓ mức doanh lợi và rủi ro của đầu tư
- ✓ chính sách tiền tệ
- ✓ chính sách tài khoá
- ✓ chính sách thương mại của chính phủ

các biến ktế

những kỳ vọng của thị trường

- ✓ tin tức về các biến thị trường tương lai
- ✓ quan niệm của các nhà đầu cơ về tỷ giá tương lai



Các nhân tố tác động đến TGHĐ

ngắn hạn (một vài tuần hoặc một vài ngày):



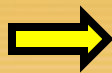
- ✓ lãi suất
- ✓ sự thay đổi kỳ vọng về TGHĐ tương lai

trung hạn (một vài tháng)



các nhân tố có tính chu kỳ, chẳng hạn như những dao động chu kỳ trong hoạt động kt

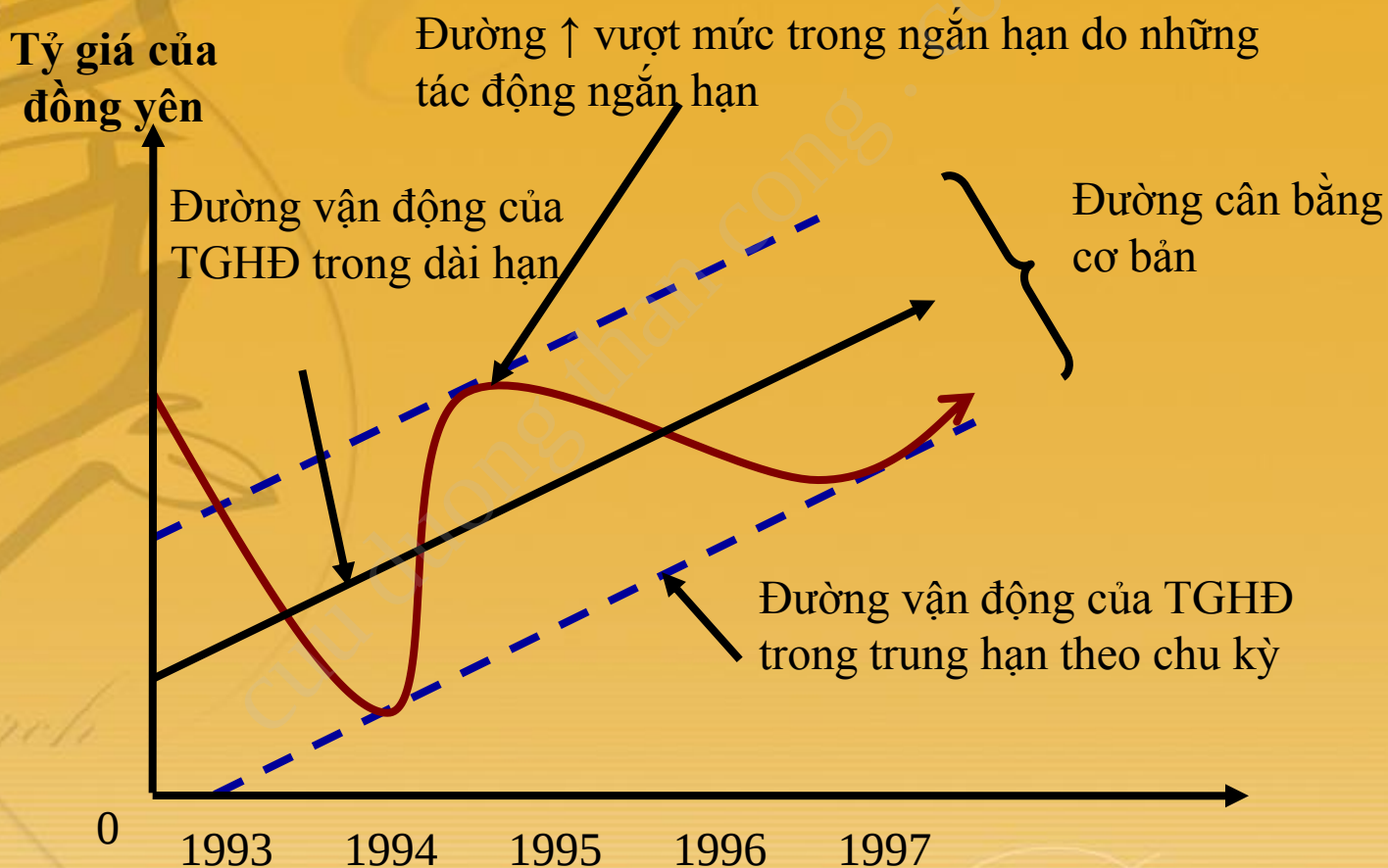
dài hạn (1,2 năm hoặc thậm chí 5 năm)



- ✓ lạm phát
- ✓ mức doanh lợi của đầu tư
- ✓ thị hiếu của NTD
- ✓ thu nhập thực tế
- ✓ cs TM của chính phủ



Đường vận động của tỷ giá của đồng yên

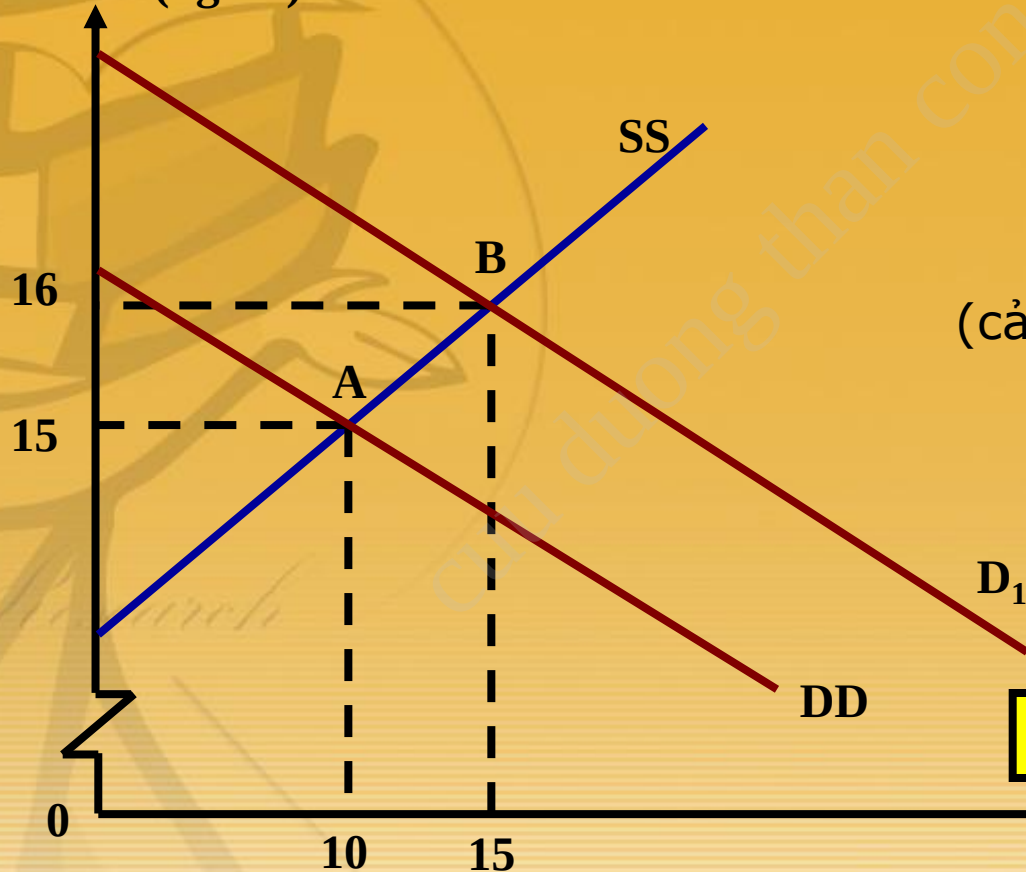




Thu nhập thực tế và tỷ giá hối đoái

VN: ↑ **trường** **ktế** ↑
Mỹ: **ktế** không ↑ **trường**

VND/USD (nghìn)



thu nhập thực tế cho
các hộ gia đình của VN ↑

NTD VN mua hàng nhiều hơn
(cả hàng nội cũng như hàng ngoại)

cầu về USD
dịch chuyển từ DD lên D_1

VND sẽ mất giá so với USD



Thu nhập thực tế và tỷ giá hối đoái

**Nếu
cả
2 nước
cùng
↑
trưởng
kinh
tế
thì
???**

thu nhập thực tế ở VN ↑
→ người VN sẽ NK nhiều
H hơn từ nước Mỹ

Cầu đối với USD
↑ → VND mất
giá so với USD

**VND có thể mất giá so với USD
mà cũng có thể không**

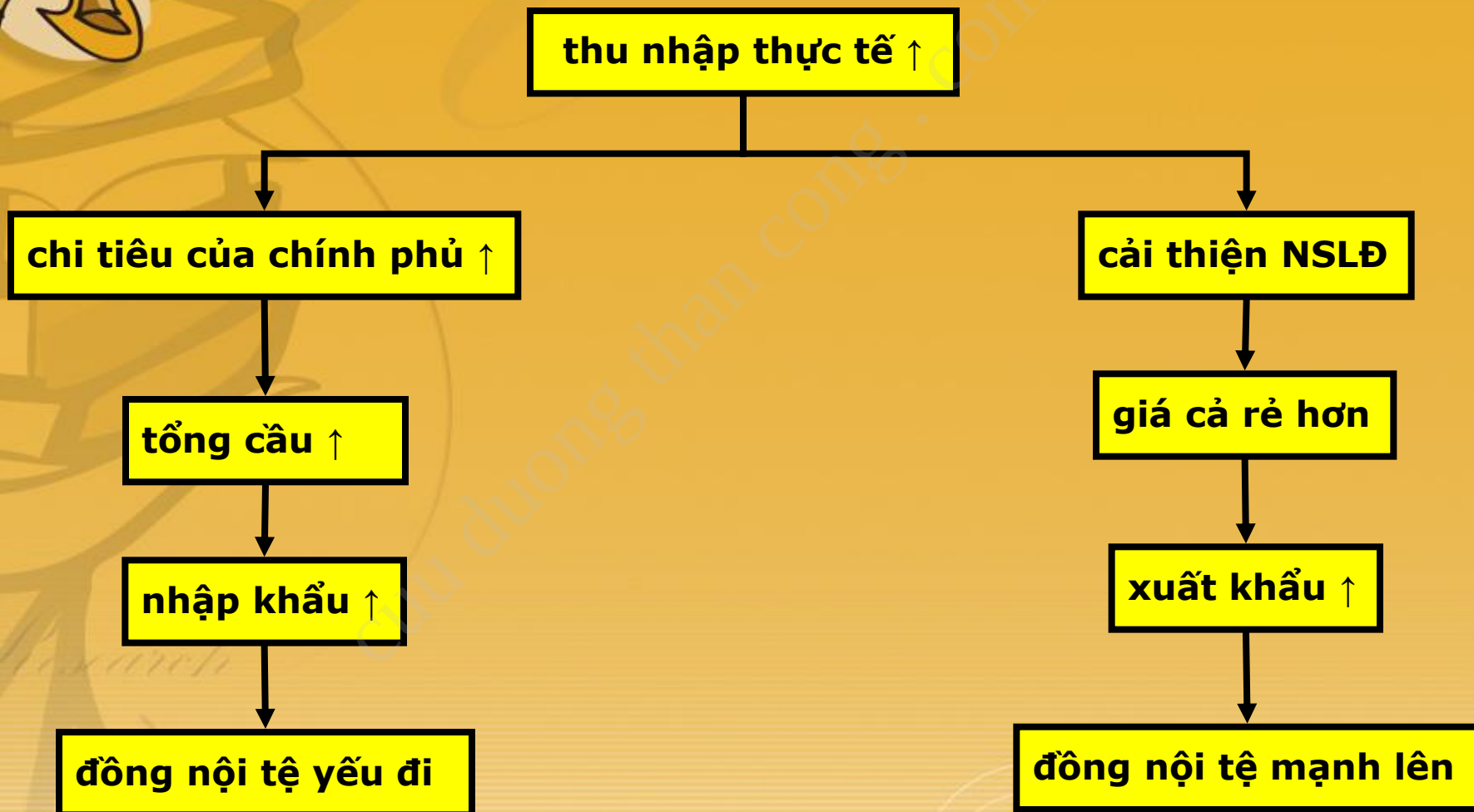
thu nhập thực tế của người
Mỹ ↑ → nước Mỹ cũng NK H
nhiều hơn từ nước VN

Cung USD ↑ → giá
trị trao đổi của VND
so với USD ↑ lên

**tùy thuộc vào việc XK của VN sang Mỹ
hay NK của VN từ Mỹ ↑ nhanh hơn**



Thu nhập thực tế và tỷ giá hối đoái

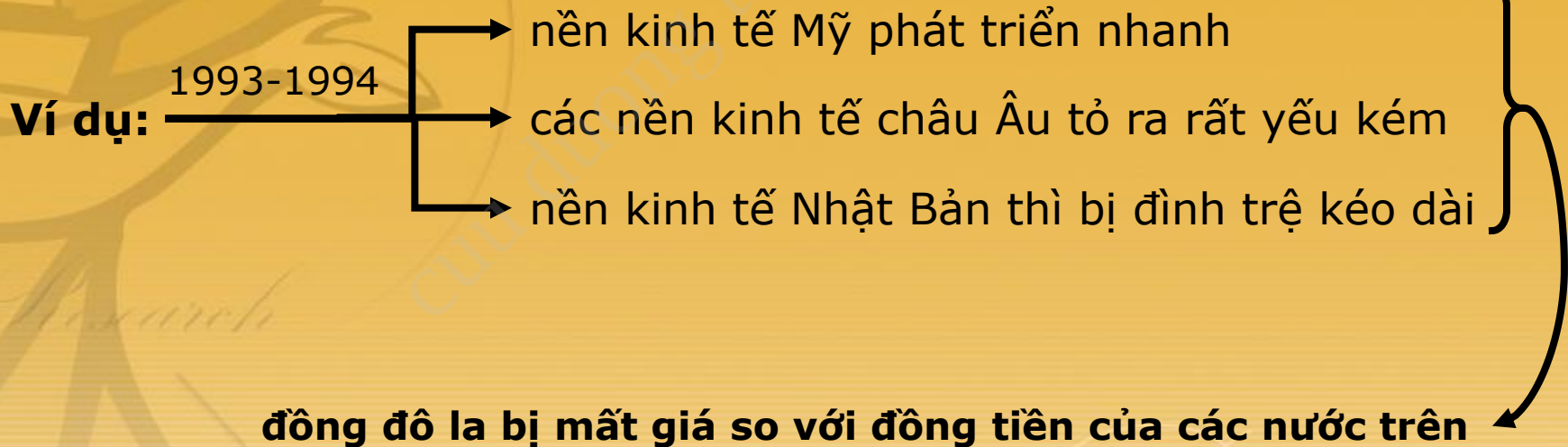




Thu nhập thực tế và tỷ giá hối đoái



quy luật chung: trong điều kiện các nhân tố khác là không đổi, đồng tiền của quốc gia có mức $\uparrow$ trưởng kinh tế cao hơn các nước khác trên thế giới sẽ có xu hướng mất giá.





Lãi suất thực tế và TGHĐ

Giả thiết: sự khác biệt trong mức lãi suất ngắn hạn giữa 2 QG bất kỳ là nhân tố đóng vai trò quyết định đối với sự vận động của luồng vốn quốc tế





Lãi suất thực tế và TGHĐ

FED: thực hiện cs tiền tệ mở rộng

mức lãi suất ngắn hạn ở Mỹ ↓ xuống 8%

lãi suất ngắn hạn ở NB là 10%

thu hút các nhà đầu tư Mỹ

kém hấp dẫn các nhà đầu tư NB

cầu về ¥ ↑ để mua chứng khoán của NB

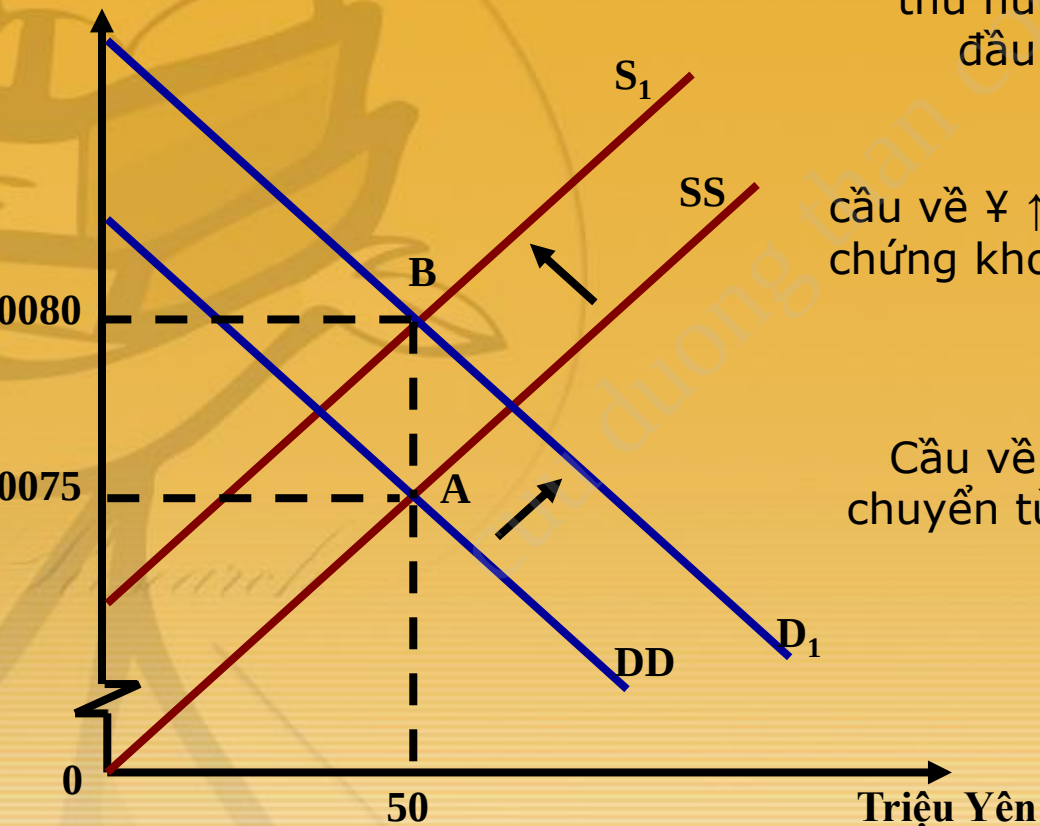
nhu cầu dùng ¥ mua \$ để mua CK của Mỹ ↓

Cầu về ¥ sẽ dịch chuyển từ DD lên D_1

cung về ¥ sẽ dịch chuyển từ SS sang S_1

\$ mất giá so với ¥

Đô la/Yên





Lãi suất thực tế và TGHĐ



sự $\neq$ biệt trong mức lãi suất là *nhân tố tác động chủ yếu* đến TGHĐ trong ngắn hạn.

Ví dụ: Sự vận động của USD trong những năm 1983-1984

nền kt Mỹ phục hồi nhanh sau suy thoái còn các nước bên H vẫn chưa thoát khỏi suy thoái

sụt ↓ giá trị XK của Mỹ so với NK → mất giá USD

NHƯNG: mức lãi suất của Mỹ >> so với mức lãi suất ở các nước $\neq$

tạo ra luồng đầu tư ròng vào Mỹ → ↑ giá USD

áp lực ↓ giá do sự thâm hụt lớn trong cán cân mậu dịch được khắc phục nhờ áp lực ↑ giá do ↑ cầu về USD bởi các nhà đầu tư q tế

1985-1986: khi mức lãi suất của Mỹ ↓ tương đối so với Đức và Nhật Bản, → giá trị trao đổi của USD bị ↓ mạnh so với DM và ¥



Lãi suất thực tế và TGHĐ

nhà đầu tư qtế

lãi suất thực tế

= lãi suất danh nghĩa - lạm phát

Ví dụ

LSDN ở Mỹ $\uparrow$ = với mức $\uparrow$ lạm phát $\longrightarrow$ lãi suất thực tế ko đổi

khuyến khích người Mỹ tìm mua H có giá thấp hơn ở nước ngoài
 $\rightarrow \uparrow$ cầu về ngoại tệ và làm cho USD bị mất giá

Các nhà đtư có thể dự đoán tỷ giá của USD so với ngtệ sẽ $\downarrow$ xuống

Mức lợi tức danh nghĩa cao từ chứng khoán của Mỹ sẽ bị triệt tiêu bởi sự trông đợi về một mức TGHĐ thấp trong tương lai, làm cho việc đtư vào Mỹ trở nên ko hấp dẫn

- ✓ LSDN cao là tín hiệu về sự gia $\uparrow$ mức lãi suất thực tế $\rightarrow$ nội tệ $\uparrow$ giá
- ✓ LSDN báo hiệu sự gia $\uparrow$ lạm phát trông đợi $\rightarrow$ nội tệ sẽ mất giá



Lạm phát, ngang giá sức mua và TGHĐ

Trong điều kiện và cs ktế cụ thể, giá trị cân = dài hạn của TGHĐ là giá trị mà tỷ giá thực tế có xu hướng vận động tiến tới đó

đồng tiền QG được
định giá quá cao

QG ko có khả năng cạnh tranh

đồng tiền QG
được định giá thấp

thiếu hụt trong cán cân mậu dịch

dư thừa trong cán cân mậu dịch

Các nhà điều hành cs thường cố gắng đưa ra dự báo về tỷ giá cân bằng trong dài hạn và thực hiện những điều chỉnh về tỷ giá để giữ cho mức tỷ giá thực tế không đi xa quá mức tỷ giá đã được dự báo.

Phương pháp tiếp cận ngang giá sức mua



Quy luật một giá – PPP tuyệt đối

Giả định:

- chi phí vận chuyển là ko đáng kể
- ko có các rào cản mậu dịch (mậu dịch quốc tế tự do)

→ **những H giống nhau sẽ có mức giá như nhau ở tất cả các nước**



giá cả phải được chuyển đổi về một đồng tiền chung theo tỷ giá trên thị trường



Quy luật một giá

Ví dụ:

**giá 1 máy tính mua ở VN = giá 1 máy tính được mua ở TQ
khi được tính bằng một đồng tiền (VND hay CNY)**

**Nếu khi đc tính bằng 1 đồng tiền, máy
tính có giá rẻ hơn ở VN so với ở TQ**

**Nhà XK VN sẽ thu được lợi nhuận khi mua máy tính
ở VN với giá thấp và bán tại TQ với giá cao hơn**

- ✓ **Đẩy mức giá của máy tính lên cao ở Việt Nam**
- ✓ **Làm ↓ giá của máy tính ở Trung Quốc**



Big Mac Currencies

Giá của Big Mac vào ngày 25/4/2000

Nước	Giá theo tiền địa phương	Tính ra đô la Mỹ	Đồng tiền địa phương [↑ giá (+), ↓ giá (-)]
Mỹ	\$ 2,51	\$ 2,51	—
Itxrael	14,5 sheke	3,58	+ 43%
Thụy Sĩ	15,9 francs	3,48	+ 39
Đan Mạch	24,75 krone	3,08	+ 23
Anh	1,90 pounds	3,00	+ 20
Nhật Bản	294 yen	2,78	+ 11
Achentina	2,50 peso	2,50	0
Chile	1.260 peso	2,45	-2
Khu vực châu Âu	2,56 euro	2,37	- 5
Canada	\$ 2,85 Canadian	1,94	- 23
Nam Phi	9,0 rands	1,34	- 47

Tại Mỹ, 1 Big Mac = \$ 2,51. Tại Thụy Sĩ, 1 Big Mac = \$ 3,48 → so với đô la, đồng franc Thụy Sĩ ↑ giá 39% ($3,48/2,51 = 1,39$).

Tuy nhiên, ở Canada, 1 Big Mac = \$1,94 → đô la Canada mất giá 23% so với đô la Mỹ ($1,94/2,51 = 0,77$)



Ngang giá sức mua tương đối – PPP tương đối

những thay đổi trong mức giá tương đối của QG sẽ quyết định sự thay đổi của TGHĐ trong dài hạn

giá trị ngoại hối của đồng tiền có xu hướng $\uparrow$ hoặc $\downarrow$ bằng với mức chênh lệch về lạm phát giữa quốc gia đó với nước ngoài

được tính thông qua CPI hoặc PPI

$$\frac{E_t - E_{t-1}}{E_{t-1}} = \pi^e - \pi^e_* \Leftrightarrow \frac{E^e - E}{E} = \pi^e - \pi^e_* \Leftrightarrow \% \Delta E = \% \Delta P - \% \Delta P^*$$

Ví dụ: nếu lạm phát của VN vượt quá mức lạm phát của TQ 4 % một năm $\rightarrow$ sức mua của VND sẽ $\downarrow$ 4 % so với CNY $\rightarrow$ giá trị ngoại hối của VND sẽ $\downarrow$ 4%/năm.

Ngược lại, VND sẽ $\uparrow$ giá so với CNY nếu lạm phát ở VN $<$ ở TQ



Dự đoán TGHĐ dài hạn bằng Lý thuyết PPP

Ví dụ: dự đoán TGHĐ trong dài hạn giữa VND và CNY

Chỉ số giá ở VN là P_v ; Chỉ số giá ở TQ là P_T

0 là thời kỳ cơ sở; 1 là thời kỳ 1

S_0 là TGHĐ cân bằng ở thời kỳ cơ sở

S_1 là tỷ giá dự đoán trong tương của tỷ giá thực tế

$$S_1 = S_0 \frac{P_{v1} / P_{v0}}{P_{T1} / P_{T0}}$$

Ví dụ, giả sử rằng chỉ số giá của VN và TQ và mức tỷ giá cân bằng như sau:

$P_{v0} = 100$; $P_{v1} = 200$. $P_{t0} = 100$; $P_{t1} = 100$. $S_0 = 1.500 \text{ VND/CNY}$



$$S_1 = 1500 \text{ VND} \frac{200 / 100}{100} = 3000 \text{ VND}$$

khi mức lạm phát của VN $\uparrow$ 100% trong khi mức lạm phát của TQ là ko đổi $\rightarrow$ VND phải $\downarrow$ giá theo một tỷ lệ đúng bằng mức chênh lệch lạm phát giữa hai nước $\leftrightarrow$ VND phải $\downarrow$ giá 100% từ 1.500 VND/CNY xuống 3.000 VND/CNY



Ngang giá sức mua trên thực tế, 1985-1989

Năm	Chỉ số giá tiêu dùng tại Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng tại Mexico	Tỷ giá hối đoái thực tế (đôla/peso)	Tỷ giá hối đoái dự báo (đôla/peso)
1985	100,0	100,0	0,0039	-
1987	105,7	431,7	0,0007	0,0010
1989	115,2	1.109,6	0,0004	0,0004

Nguồn: International Monetary Fund, *IMF Financial Statistics*, Washington DC, May 1990.

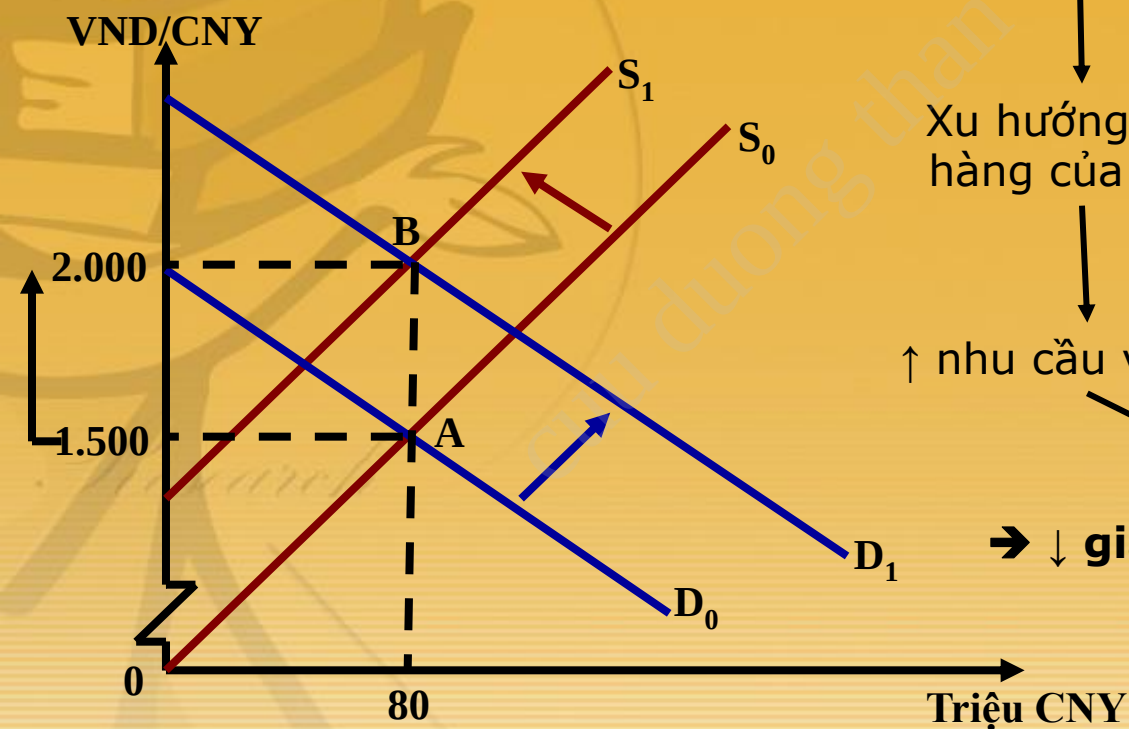
Thời kỳ 1985-1989: Mexico có mức lạm phát rất cao (1.100%) còn ở Mỹ mức giá chỉ ↑ khoảng 15%.

Vận dụng công thức tính tỷ giá theo ngang giá sức mua có thể dự đoán rằng đô la sẽ ↑ giá so với peso từ 0,0039USD/peso lên 0,0004USD/peso do sự suy ↓ tương đối trong sức mua nội địa của đồng peso.

Trên thực tế, đô la thực sự ↑ giá lên 0,0004 đô la 1 peso.



Quy luật PPP qua qhệ cung cầu về ngoại hối



Nếu $P_{VN} > P_{TQ}$

NK sẽ trở nên rẻ hơn ở VN

Xu hướng mua hàng của TQ ↑

↑ nhu cầu về CNY

hàng VN trở nên đắt hơn đối với người TQ

↓ cầu đối với hàng XK từ VN

↓ lượng cung về CNY

→ ↓ giá của VND so với CNY



PPP tuyệt đối và tương đối

PPP tuyệt đối

- tương quan về sức mua của đồng tiền trong nước với sức mua của đồng tiền đó ở nước ngoài
- có thể xác định khi biết được mức giá ở hai quốc gia

PPP tương đối

- mức giá và TGHĐ thay đổi theo xu hướng duy trì sức mua của đồng tiền trong nước và sức mua của chính nó ở nước ngoài
- chỉ có thể xác định được sau một khoảng thời gian khi có sự thay đổi mức giá
- xu hướng vận động của TGHĐ dài hạn ngay cả khi PPP tuyệt đối không có hiệu lực



Ngang giá sức mua tương đối

Lý thuyết PPP

có ích cho việc dự báo mức độ nhất định để điều chỉnh tỷ giá cho phù hợp

ko phải là một chỉ dẫn hoàn toàn ko có sai lầm trong việc xác định TGHĐ

- ✓ ko tính đến ảnh hưởng của dòng vốn lên sự vận động của TGHĐ
- ✓ lựa chọn chỉ số giá phù hợp (CPI hay PPI)
- ✓ xác định thời kỳ cân bằng dùng làm cơ sở
- ✓ chính sách của chính phủ



Ngang giá sức mua tương đối

Bảng chứng về giá trị của lý thuyết PPP

trường hợp lạm phát hết sức cao thì việc vận dụng lý thuyết như là một chỉ dẫn cho việc xác định TGHĐ sẽ có giá trị nhất định



1982-1985, lạm phát hàng năm ở Itxrael là ở mức ba chữ số → mức độ ↓ giá của đồng shekel của Itxrael so với USD ↔ mức chênh lệch về lạm phát giữa hai nước.

khi mức chênh lệch lạm phát là khá nhỏ thì những nhân tố khác sẽ trở nên quan trọng hơn trong việc xác định TGHĐ



do độ trễ trong quá trình điều chỉnh cán cân thanh toán, hoặc trong điều kiện có sự can thiệp của chính phủ...



→ **PPP không phát huy tác dụng trong ngắn hạn mà phát huy tác dụng trong dài hạn (5 năm).**

Trong dài hạn, PPP ↑ hay ↓ như thế nào thì TGHĐ cũng ↑ ↓ theo đó.

PPP tương đối có hiệu quả đối với những nước gần nhau về mặt địa lý, đồng thời có mối quan hệ chặt về thương mại, lãi suất, tài chính.



Nguyên nhân

sự vận động của tỷ giá chịu ảnh hưởng của thông tin

ko thể dự đoán được

**Có cách ứng xử giống như trên thị trường tài sản
(giống như thị trường chứng khoán)**

tiếp nhận thông tin rất nhanh và liên tục điều chỉnh giá cả

ngang giá sức mua lại được tính toán trên cơ sở giá cả H

phản ứng chậm chạp hơn trước những thay đổi của bối cảnh kte

**có nhiều yếu tố quan trọng hơn nhiều so với mức giá cả
tương đối trong việc xác định tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn**



Các nhân tố khác

**Quan hệ TM
song phương**

cán cân mậu
dịch bị thâm hụt

Đồng tiền QG bị mất giá so với
đồng tiền của nước đối tác

**Thị hiếu
của NTD**

NTD thích dùng
hàng NK hơn

cầu về ngoại tệ $\uparrow$ và
làm cho nội tệ $\downarrow$ giá

dân chúng ưa thích dùng H trong
nước hơn H được sx ở nước ngoài

$\downarrow$ cầu đối với ngoại tệ
và làm $\uparrow$ giá nội tệ

**Khả năng sinh
lợi của đầu tư**

khả năng sinh lợi của tài sản QG
 $\uparrow$ tương đối so với nước ngoài

giá trị trao đổi của
đồng tiền QG $\uparrow$ lên



Các nhân tố khác (tiếp)

**Thay đổi
trong NSLĐ**

→ ↓ tương đối CPSX so với
các nhà sx nước ngoài → Xuất khẩu ↑ → cung ngoại tệ ↑
và làm ↑ giá trị trao đổi của nó

**Chính sách
thương mại**

→ hạn chế NK
khuyến khích XK → cầu về ngoại tệ ↓ (cung ngoại tệ ↑)
→ giá trị trao đổi của đồng tiền QG ↑

**Sự sẵn có của
sản phẩm**

→ Nếu lúa mì của Canada bị mất mùa
→ ↑ nhu cầu NK lúa mì → ↑ cầu về ngoại tệ và
làm cho nội tệ ↓ giá



Sự kỳ vọng của thị trường và TGHĐ

Nhân tố	Thay đổi	Tác động lên giá trị trao đổi của đô la	Mối quan hệ
Mức giá kỳ vọng ở Mỹ	↑ ↓	↓ giá ↑ giá	Tỷ lệ nghịch
Mức lãi suất kỳ vọng ở Mỹ	↑ ↓	↑ giá ↓ giá	Tỷ lệ thuận
Các hàng rào mậu dịch kỳ vọng ở Mỹ	↑ ↓	↑ giá ↓ giá	Tỷ lệ thuận
Cầu nhập khẩu kỳ vọng ở Mỹ	↑ ↓	↓ giá ↑ giá	Tỷ lệ nghịch
Cầu kỳ vọng đối với xuất khẩu từ Mỹ	↑ ↓	↑ giá ↓ giá	Tỷ lệ thuận
Năng suất lao động kỳ vọng	↑ ↓	↑ giá ↓ giá	Tỷ lệ thuận



Sự kỳ vọng của thị trường và TGHĐ

Ví dụ: Kỳ vọng rằng nền kinh tế Mỹ sẽ

↑ trưởng nhanh
hơn nền kinh tế

mức lãi suất trong
tương lai thấp hơn

mức lạm
phát cao hơn

cung tiền ↑ với
tốc độ cao hơn

Nhật Bản

\$ trong tương lai sẽ mất giá so với ¥

những người có \$ sẽ muốn chuyển đổi \$ sang ¥

↑ **cầu về ¥**

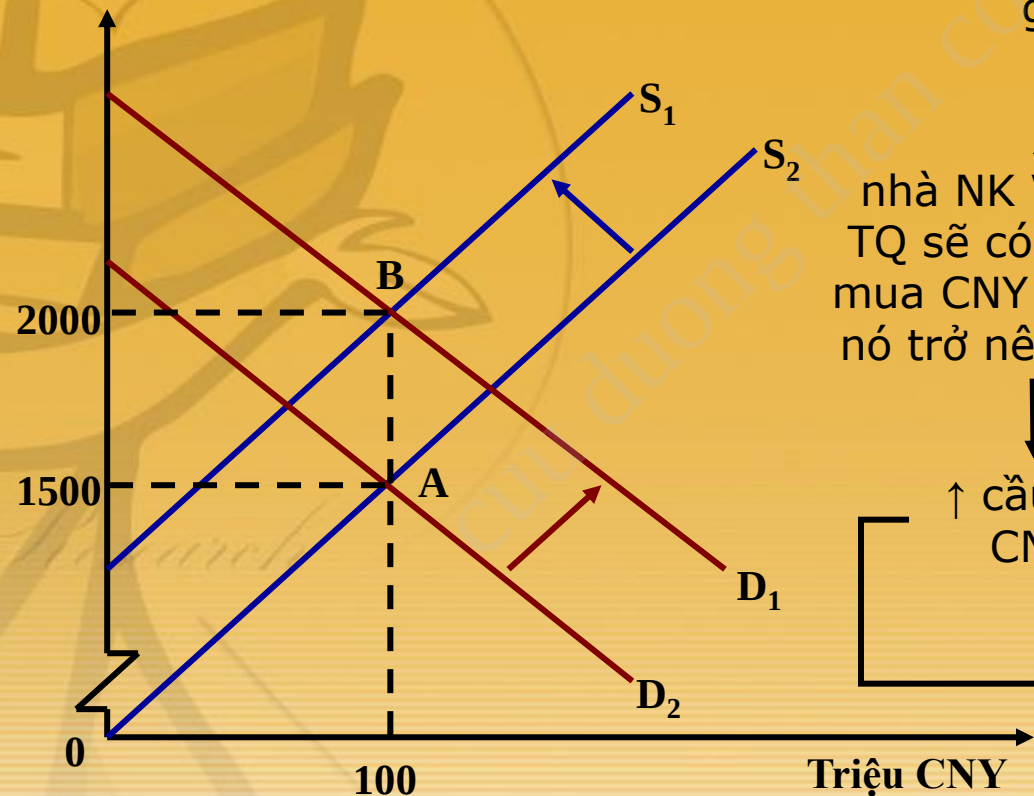
↑ **giá của ¥** và ↓ **giá của \$**



Sự kỳ vọng của thị trường và TGHĐ

Ví dụ: giá $\uparrow$ bất ngờ trong cung tiền ở VN

VND/CNY



kỳ vọng về khả năng mất giá của VND so với CNY

nhà NK VN về H TQ sẽ có động cơ mua CNY trước khi nó trở nên đắt giá

$\uparrow$ cầu về CNY

nhà NK TQ về H VN lại ko muốn bán CNY đổi lấy VND mà họ kỳ vọng sẽ rẻ hơn

cung về CNY $\downarrow$ xuống

kỳ vọng về khả năng mất giá của VND tự nó đã trở thành hiện thực



Sự kỳ vọng của thị trường và TGHĐ

Tác động của bong bóng đầu cơ lên TGHĐ

Giả định: rất nhiều nhà đầu cơ dự đoán về khả năng $\uparrow$ giá của CNY

mà ko cần dựa trên bất kỳ một tin tức gì về các nhân tố thị trường cơ bản

Các nhà đầu cơ bồng nhận ra: các tác nhân thị trường cơ bản ko biện hộ cho sự gia $\uparrow$ giá trị của CNY

bán CNY

giá của CNY
 $\downarrow$ **mạnh**

Gây ra sự biến động thất thường của TGHĐ

mua CNY làm cho giá CNY $\uparrow$

kỳ vọng của các nhà đầu cơ trở thành hiện thực

giá CNY $\uparrow$ vọt

Bong bóng đầu cơ có thể đẩy giá đồng tiền lên cao mà ko do tác động của các nhân tố thị trường cơ bản $\rightarrow$ Khi bong bóng đầu cơ vỡ, đồng tiền sẽ bị $\downarrow$ giá mạnh đột ngột.



Tác động qua lại giữa các nhân tố xác định TGHĐ

tỷ giá hối đoái

sự thay đổi của các nhân tố thị trường cơ bản

sự trông đợi của thị trường

?

các nhân tố này ko tác động theo cùng một hướng



tác động ròn lên TGHĐ của các nhân tố xác
định có mâu thuẫn với nhau này là ntn?



Tác động qua lại giữa các nhân tố xác định TGHĐ

Ví dụ:

Việt Nam

lãi suất thực tế

↑ bất ngờ

thu nhập quốc

dân ↑ bất ngờ

lạm phát

↑ bất ngờ

Nền ktế TQ: ko thay đổi

VND ↑ giá so với CNY

↓ giá VND so với CNY

VND sẽ ↓ hay ↑ giá so với CNY phụ thuộc vào thực chất của giao dịch quốc tế giữa hai nước

Hđ đư có klg giao dịch >> hđ mậu dịch → ↑ lãi suất thực tế ở VN sẽ có ảnh hưởng lớn hơn → giá trị trao đổi của VND sẽ ↑ lên

TMQT giữa 2 nước có klg giao dịch >> hđ đư → ↑ thu nhập quốc dân và lạm phát sẽ có ảnh hưởng lớn hơn → giá trị trao đổi của VND ↓ xuống



Tác động qua lại giữa các nhân tố xác định TGHĐ

Ví dụ:

Dự báo một năm của IBM về sự thay đổi của các nhân tố xác định TGHĐ

IBM muốn mua một số linh kiện máy tính từ NB và Mexico

Dự báo

<i>Phần trăm thay đổi</i>	Mỹ	Nhật Bản	Mexico
Thu nhập quốc dân	+ 3%	- 2%	0%
Lạm phát	+ 2%	- 3%	- 2%
Lãi suất	+ 1%	- 1%	- 3%

Giả định:

lượng H trao đổi giữa Mỹ và Mexico thì nhỏ còn lượng vốn đầu tư giữa hai nước là rất lớn

tỷ giá \$/peso lại chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi các nhân tố liên quan đến đầu tư

đô la sẽ ↑ giá so với peso

lượng H trao đổi giữa Mỹ với Nhật Bản là rất lớn còn lượng vốn đầu tư giữa hai nước là nhỏ

tỷ giá \$/¥ chịu tác động nhiều hơn bởi các nhân tố liên quan đến TM

đô la sẽ ↓ giá so với ¥



MỘT SỐ NGHIỆP VỤ TRÊN FX

KINH DOANH CHÊNH LỆCH GIÁ

TỰ BẢO HIỂM

ĐẦU CƠ TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI



MỘT SỐ NGHIỆP VỤ TRÊN FX

www.gcitrading.com/foreign-exchange



Kinh doanh chênh lệch giá

Acbit hối đoái (Arbitrage of Exchange)

Acbit hối đoái là việc mua và bán đồng thời cùng một đồng tiền tại các FX khác nhau nhằm thu lợi nhuận từ sự chênh lệch tỷ giá

Mua ở nơi giá rẻ và bán ngay ở nơi có giá cao hơn

Hình thành một mức giá như nhau cho cùng một đồng tiền ở các địa điểm khác nhau

Hình thành một thị trường chung cho toàn thế giới



Kinh doanh chênh lệch giá

Ví dụ:

New York: £1 = \$2

London: £1 = \$ 2,01



**mua £ 2\$/£ tại New York và
ngay lập tức bán £ tại London**

Acbit 2 điểm

lợi nhuận là 1 cent trên 1£ chưa tính đến chi phí giao dịch NH và lãi suất phát sinh của lượng tiền được dùng để thực hiện acbit hối đoái

*Nếu giá trị của giao dịch là 1 triệu \$ → lợi nhuận khoảng \$5.000
cho nhà buôn tiền tệ*

Quá trình này sẽ tiếp diễn cho đến khi tỷ giá giữa đô la và bảng tại New York bằng với tỷ giá tại London

acbit hối đoái tạo nên sự thống giữa các FX



Kinh doanh chênh lệch giá

Ví dụ:

Acbit 3 điểm

New York: £1 = \$1.50

Frankfurt: £1 = DM 4

London: DM1 = \$0.50

áp dụng acbit hai điểm
không đem lại lợi nhuận

Acbit 3 điểm

→ Bán 1,5 triệu đô la lấy 1 triệu bảng tại New York

Bán ngay 1 triệu bảng lấy 4 triệu mác tại Frankfurt

Bán ngay 4 triệu mác lấy 2 triệu đô la tại London

→ Lợi nhuận: 500 nghìn đô la (chưa tính chi phí giao dịch)!

TGHĐ của cả 3 đồng tiền thay đổi và cuối cùng sẽ tạo nên sự cân bằng giữa các tỷ giá → hoạt động acbit chấm dứt

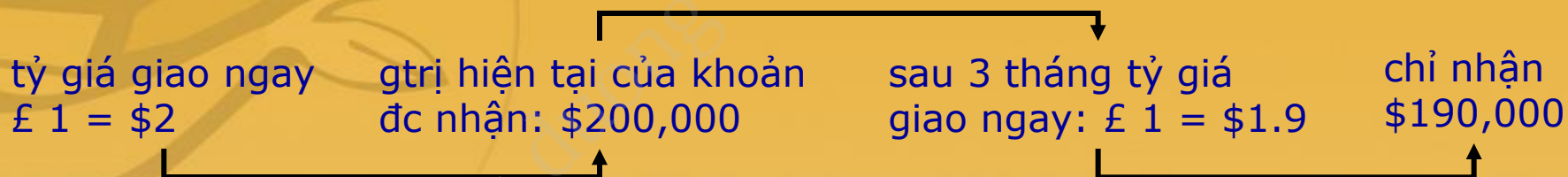


Rủi ro hối đoái và nghiệp vụ tự bảo hiểm

Ví dụ 1: Nhà NK Mỹ mua một lô hàng trị giá £ 100,000 và phải thanh toán bằng £ cho nhà XK Anh sau 3 tháng



Ví dụ 2: Nhà XK Mỹ dự tính sẽ nhận được một khoản tiền là £100,000 sau 3 tháng



Ví dụ 3: nhà đầu tư Mỹ khi mua £ với tỷ giá giao ngay hiện hành để đầu tư vào trái phiếu kỳ hạn 3 tháng của cphủ Anh có mức lãi suất cao hơn trái phiếu của Mỹ. Khi trái phiếu đến kỳ hạn thanh toán, nếu tỷ giá của bảng giảm đột ngột so với đô la, nhà đầu tư không những không thu được lợi nhuận mà có thể còn bị lỗ lớn

nghiệp vụ tự bảo hiểm (hedging) ← rủi ro hối đoái



Nghịệp vụ tự bảo hiểm (hedging)

Hedging là hành động nhằm tránh hoặc khống chế rủi ro về hối đoái

Ví dụ 1: nhà NK Mỹ vay £100,000 tại mức tỷ giá giao ngay trên thị trường là £1 = \$2 → đem gửi vào ngân hàng (để nhận được lãi suất) trong 3 tháng → nhà NK tránh được rủi ro tỷ giá giao ngay của £ sau ba tháng có thể gia tăng so với tỷ giá giao ngay hiện hành và sẽ không phải trả nhiều hơn \$200,000 cho lô hàng NK.

Chi phí của việc bảo hiểm tránh rủi ro hối đoái theo cách thức này là khoản chênh lệch giữa lãi suất vay £100,000 với lãi suất gửi £100,000 tại ngân hàng.

Ví dụ 2: nhà XK có thể vay £100,000 ngày hôm nay rồi đổi số tiền đó theo tỷ giá giao ngay £1 = \$2 la được \$200,000 và gửi số tiền đó vào ngân hàng để hưởng lãi suất. Sau ba tháng, khi nhận được thanh toán, nhà xuất khẩu sẽ trả khoản vay £100,000 cho ngân hàng.

Chi phí của việc bảo hiểm chống rủi ro hối đoái theo cách thức này cũng là khoản chênh lệch giữa lãi suất đi vay và lãi suất tiền gửi.



Nghịệp vụ tự bảo hiểm (hedging)

Hoạt động tự bảo hiểm

bất lợi: là các nhà kd và đầu tư hoặc phải đi vay hoặc phải kìm giữ vốn của mình trong vòng 3 tháng

tiến hành nghiệp vụ tự bảo hiểm trên thị trường kỳ hạn

Nhà NK có thể mua £ với kỳ hạn thanh toán sau 3 tháng theo mức tỷ giá kỳ hạn 3 tháng của ngày hôm nay.

Ví dụ 1

Nếu điểm kỳ hạn gia tăng là 4% /năm → sau 3 tháng nhà NK sẽ phải trả \$202,000 để có được £100,000 trả cho lô hàng NK.

→ chi phí bảo hiểm sẽ là \$2,000 (1% của \$200,000 cho ba tháng).

Nhà XK có thể bán £100,000 theo mức tỷ giá kỳ hạn 3 tháng của ngày hôm nay với kỳ hạn thanh toán sau 3 tháng

Ví dụ 2

Nếu £ có điểm kỳ hạn khấu trừ là 4%/năm → sau 3 tháng, với £100,000 thanh toán từ nhà NK, nhà XK sẽ nhận được \$198,000.

Nếu £ có điểm kỳ hạn gia tăng là 4%/năm → nhà XK sẽ nhận được \$202,000



Nghịệp vụ tự bảo hiểm (hedging)

bảo hiểm tránh rủi ro hối đoái trên:

thị trường tương lai

thị trường quyền chọn

Ví dụ 1: nhà NK cần phải trả £100,000 sau 3 tháng và tỷ giá kỳ hạn ba tháng của là £1 = \$2

Nhà NK
có thể

mua £100,000 kỳ hạn 3 tháng (ba tháng sau phải trả \$200,000)

mua quyền chọn mua £100,000 sau 3 tháng, tỷ giá 2USD/GBP với mức phí là 1% (tương đương \$2,000)



Sau 3 tháng tỷ giá giao ngay của bảng là 1,95 USD/GBP → thì thay vì trả \$200,000 để có £100,000 theo hợp đồng kỳ hạn, nhà NK có thể chọn cách không thực hiện hợp đồng mà mua £100,000 trên thị trường giao ngay với số tiền là \$195,000. Trong trường hợp này, mức phí \$2,000 được coi như là hợp đồng bảo hiểm và nhà NK tiết kiệm được \$3,000 so với hợp đồng kỳ hạn.



Đầu cơ trên thị trường ngoại hối

Đầu cơ là hoạt động buôn bán ngoại tệ dựa trên dự đoán về sự thay đổi của tỷ giá trong tương lai nhằm thu lợi nhuận

Các nhà đầu cơ thường mua vào đồng tiền mà họ dự đoán là sẽ tăng giá và bán ra đồng tiền mà họ dự đoán là sẽ giảm giá trong tương lai

Các nhà đầu cơ có thể hoạt động cả trên thị trường giao ngay cũng như trên thị trường kỳ hạn



Đầu cơ trên thị trường giao ngay

Đầu cơ trên sự tăng giá của đồng mác

- Tỷ giá giao ngay ngày hôm nay là \$0,40/1DM
- Dự đoán: 3 tháng sau tỷ giá giao ngay của DM tăng lên là \$0,50/1DM
- Cách tiến hành:
 - + Mua mác với giá giao ngay ngày hôm nay và gửi vào ngân hàng để hưởng lãi suất.
 - + Sau ba tháng, bán mác với giá \$0,50/1DM
- Kết quả: Nếu dự đoán đúng, lợi nhuận sẽ là \$0,10/1DM. Nếu dự đoán sai và tỷ giá giao ngay của mác trên thị trường giảm xuống thì bạn sẽ bị lỗ khi bán mác với giá thấp hơn giá mua.



Đầu cơ trên thị trường giao ngay

Đầu cơ trên sự giảm giá của đồng mác

- Tỷ giá giao ngay ngày hôm nay là \$0,40/1DM
- Dự đoán: 3 tháng sau tỷ giá giao ngay của DM giảm xuống còn \$0,25/DM
- Cách tiến hành:
 - + Vay mác ngày hôm nay, đổi ra đô la theo mức tỷ giá giao ngay hôm nay là \$0,40/1DM và gửi vào ngân hàng để hưởng lãi suất.
 - + Sau ba tháng mua mác với mức tỷ giá giao ngay là \$0,25/1DM và dùng số tiền này để trả cho khoản vay ban đầu.
- Kết quả: nếu dự đoán đúng, lợi nhuận sẽ là \$0,15/1DM (phần lợi nhuận này sẽ phải trừ đi lãi suất tiền vay nhưng lại được cộng thêm phần lãi suất tiền gửi). Nếu dự đoán sai và tỷ giá giao ngay của mác không giảm mà lại tăng lên thì bạn sẽ bị lỗ khi phải mua mác với giá cao hơn giá bán ban đầu.



Đầu cơ trên thị trường kỳ hạn

Đầu cơ trên thị trường giao ngay có nhược điểm là nhà đầu cơ phải có một lượng lớn tiền nhàn rỗi hoặc phải đi vay và phải trả lãi suất cho khoản vay đó

- Để tránh được hạn chế trên, tiến hành đầu cơ trên thị trường kỳ hạn
- nhà đầu cơ ký một hợp đồng kỳ hạn mua hoặc bán một lượng ngoại tệ nhất định tại một thời điểm nhất định trong tương lai với ngân hàng. Ngân hàng có thể đòi hỏi nhà đầu cơ một khoản tiền đặt cọc chẳng hạn bằng 10% giá trị hợp đồng. Trên thực tế, hầu hết các hoạt động đầu cơ được thực hiện trên thị trường kỳ hạn.



Đầu cơ trên thị trường kỳ hạn

Đầu cơ trên dự đoán rằng tỷ giá giao ngay của đồng mức sau ba tháng sẽ cao hơn tỷ giá kỳ hạn ba tháng hiện hành

- Tỷ giá kỳ hạn ba tháng của mức là \$0,40
- Dự đoán: ba tháng sau tỷ giá giao ngay của mức sẽ là \$0,50
- Tiến hành:
 - + Ký hợp đồng mua một lượng mức kỳ hạn ba tháng theo tỷ giá \$0,40/DM.
 - + Sau ba tháng, đem lượng mức nhận được bán trên thị trường giao ngay với mức giá là \$0,50/1DM.
- Kết quả: Nếu dự đoán đúng, lợi nhuận sẽ là \$0,10/1DM. Nếu dự đoán sai và mức tỷ giá giao ngay của mức thấp hơn \$0,40 thì sẽ bị lỗ.



Đầu cơ trên thị trường kỳ hạn

Đầu cơ trên dự đoán rằng tỷ giá giao ngay của đồng mác sau ba tháng sẽ thấp hơn tỷ giá kỳ hạn ba tháng hiện hành

- Tỷ giá kỳ hạn ba tháng của mác là \$0,40
- Dự đoán: ba tháng sau tỷ giá giao ngay của mác sẽ là \$0,30
- Tiến hành:
 - + Ký hợp đồng bán một lượng mác (mà trên thực tế bạn ko có trong tay) giao tiền sau ba tháng theo tỷ giá \$0,40/DM.
 - + Sau ba tháng, mua lượng mác cần thiết trên thị trường giao ngay với mức giá là \$0,30/1DM để thực hiện hợp đồng đó ký.
- Kết quả: Nếu dự đoán đúng, lợi nhuận sẽ là \$0,10/1DM. Nếu dự đoán sai và mức tỷ giá giao ngay của mác cao hơn \$0,40 thì bạn sẽ bị lỗ.



Đầu cơ trên thị trường ngoại hối

Đầu cơ là hoạt động nắm lấy rủi ro hối đoái với kỳ vọng thu được lợi nhuận từ sự thay đổi trong tương lai của của tỷ giá giao ngay.

Hoạt động này có thể làm **ổn định** cũng như gây nên sự **bất ổn định** trên thị trường ngoại hối.



Đầu cơ ổn định

Đầu cơ ổn định: chống lại các lực lượng thị trường thông qua việc làm giảm bớt hoặc đảo ngược sự tăng hoặc giảm của tỷ giá trao đổi của đồng tiền.

Xuất hiện khi nhà đầu cơ tiến hành mua ngoại tệ bằng nội tệ khi giá ngoại tệ đang giảm so với nội tệ. Họ thực hiện giao dịch này với hy vọng rằng giá ngoại tệ không lâu nữa sẽ tăng lên và có thể kiếm lợi nhuận từ đó. Hoạt động này sẽ làm tăng cầu về ngoại tệ làm giảm bớt sự mất giá của nó.

Đầu cơ ổn định cũng xuất hiện khi các nhà đầu cơ bán ngoại tệ ra khi giá của nó tăng so với nội tệ với hy vọng rằng giá của nó không lâu nữa sẽ giảm xuống. Việc bán ngoại tệ như vậy làm giảm bớt sự tăng giá của nó trên thị trường.

Đầu cơ ổn định thực hiện một chức năng hữu ích cho các nhà băng và giới kinh doanh, những người mà rất cần đến sự ổn định của tỷ giá hối đoái.



Đầu cơ gây bất ổn định

Đầu cơ gây bất ổn định: đi cùng với các lực lượng thị trường làm gia tăng mạnh hơn sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Xuất hiện khi nhà đầu cơ bán ra ngoại tệ khi nó đang mất giá với kỳ vọng rằng nó sẽ còn tiếp tục mất giá trong tương lai. Hành động này làm cho đồng ngoại tệ càng bị mất giá mạnh hơn.

Đầu cơ bất ổn định cũng xuất hiện khi nhà đầu cơ mua vào ngoại tệ khi nó đang tăng giá với kỳ vọng rằng nó sẽ còn tiếp tục tăng giá trong tương lai. Hành động này càng làm cho giá của ngoại tệ tăng mạnh so với nội tệ.

Loại đầu cơ bất ổn định gây nên sự biến động rất lớn của tỷ giá hối đoái và có ảnh hưởng phá hoại tới hoạt động đầu tư và thương mại quốc tế.





Bài tập

1. Hãy giải thích những nhân tố sau đây có tác động như thế nào đến tỷ giá trao đổi của VND trong điều kiện tỷ giá được xác định bởi thị trường:

- Giá cả ở Việt Nam tăng trong khi giá ở nước ngoài không đổi.
- Chính phủ Việt Nam đánh thuế và áp dụng hàng rào thuế quan đối với hàng nhập khẩu.
- Tăng cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam và giảm cầu của Việt Nam đối với hàng nhập khẩu.
- Năng suất lao động của Việt Nam tăng tương đối so với năng suất lao động của các nước khác.
- Lãi suất thực tế ở nước ngoài tăng tương đối so với mức lãi suất của Việt Nam.



Bài tập

1. Hãy giải thích những nhân tố sau đây có tác động như thế nào đến tỷ giá trao đổi của VND trong điều kiện tỷ giá được xác định bởi thị trường:

- **Giá cả ở Việt Nam tăng trong khi giá ở nước ngoài ko đổi → VND mất giá**
- **Chính phủ Việt Nam đánh thuế và áp dụng hàng rào thuế quan đối với hàng nhập khẩu → VND tăng giá**
- **Tăng cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam và giảm cầu của Việt Nam đối với hàng nhập khẩu → VND tăng giá**
- **Năng suất lao động của Việt Nam tăng tương đối so với năng suất lao động của các nước khác → VND tăng giá**
- **Lãi suất thực tế ở nước ngoài tăng tương đối so với mức lãi suất của Việt Nam → VND mất giá**



Bài tập

2. Giả sử rằng tỷ giá VND/CNY là 1.500 VND/1CNY. Vận dụng lý thuyết ngang giá sức mua cho biết tỷ giá trao đổi của VND sẽ thay đổi như thế nào trong các trường hợp sau:

- Mức giá ở VN tăng 10 % và mức giá ở TQ là ko đổi
- Mức giá ở VN tăng 10% và mức giá ở TQ tăng 20%
- Mức giá ở VN giảm 10% và mức giá ở TQ tăng 5%
- Mức giá ở VN giảm 10% và mức giá ở TQ giảm 15%.



Giả sử tỷ giá VND/CNY là 1.500 VND/CNY

- Mức giá ở Việt Nam tăng 10 % và mức giá ở TQ là ko đổi

$$S = 1500 \frac{110 / 100}{100 / 100} = 1650 \text{ VND / CNY}$$

- Mức giá ở Việt Nam tăng 10% và mức giá ở TQ tăng 20%

$$S = 1500 \frac{110 / 100}{120 / 100} = 1375 \text{ VND / CNY}$$

- Mức giá ở Việt Nam giảm 10% và mức giá ở TQ tăng 5%

$$S = 1500 \frac{90 / 100}{105 / 100} = 1286 \text{ VND / CNY}$$

- Mức giá ở Việt Nam giảm 10% và mức giá ở TQ giảm 15%.

$$S = 1500 \frac{90 / 100}{85 / 100} = 1588 \text{ VND / CNY}$$



Bài tập

3. Giả sử rằng mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu chính phủ kỳ hạn ba tháng là 8% ở Mỹ và 6% ở Anh và mức lạm phát là 10% tại Mỹ và 4% tại Anh.

- Hãy tính mức lãi suất thực tế ở mỗi nước.
- Luồng vốn đầu tư quốc tế sẽ di chuyển theo hướng như thế nào dưới tác động của các mức lãi suất thực tế trên?
- Sự vận động của các luồng vốn đầu tư đó có tác động như thế nào lên giá trị trao đổi của đô la Mỹ?



Bài tập

3. Giả sử rằng mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu chính phủ kỳ hạn ba tháng là 8% ở Mỹ và 6% ở Anh và mức lạm phát là 10% tại Mỹ và 4% tại Anh.

- **Hãy tính mức lãi suất thực tế ở mỗi nước**
 - **Lãi suất thực tế ở Mỹ là: $8\% - 10\% = -2\%$**
 - **Lãi suất thực tế ở Anh là: $6\% - 4\% = 2\%$**
- **Luồng vốn đầu tư quốc tế sẽ di chuyển theo hướng như thế nào dưới tác động của các mức lãi suất thực tế trên?**
 - **$R_{\text{Mỹ}} < R_{\text{Anh}} \rightarrow$ luồng vốn đầu tư quốc tế di chuyển theo hướng từ Mỹ vào Anh**
- **Sự vận động của các luồng vốn đầu tư đó có tác động như thế nào lên giá trị trao đổi của đô la Mỹ?**
 - **$R_{\text{Mỹ}} < R_{\text{Anh}} \rightarrow$ cầu về USD giảm xuống $\rightarrow$ giá trị trao đổi của USD giảm**



Bài tập

4. Giả sử có các mức tỷ giá sau đây:

- $\$2 = \text{£}1$ tại New York
- $\text{¥} 410 = \text{£}1$ tại London
- $\text{¥} 200 = \$1$ tại Tokyo

Hãy cho biết acbit ba điểm (acbit hình tam giác) sẽ diễn ra như thế nào để thu được lợi nhuận?



Bài tập

4. Giả sử có các mức tỷ giá sau đây:

- $\$2 = \text{£}1$ tại New York
- $\text{¥}410 = \text{£}1$ tại London
- $\text{¥}200 = \$1$ tại Tokyo

Hãy cho biết acbit ba điểm (acbit hình tam giác) sẽ diễn ra như thế nào để thu được lợi nhuận?

→ Mua 1tr\$ bằng ¥ tại Tokyo → mất 200tr¥

Bán \$ lấy £ tại New York → được 0.5tr £

Bán £ lấy ¥ tại London → được 205tr ¥

→ Lãi 5tr ¥



Bài tập

5. Giả sử rằng có tỷ giá giao ngay $\$2 = \pounds 1$ và tỷ giá kỳ hạn ba tháng là $\$1.96 = \pounds 1$. Nếu ba tháng sau, nhà nhập khẩu Mỹ phải thanh toán một khoản tiền là $\pounds 10.000$ cho nhà xuất khẩu Anh thì nhà nhập khẩu đó phải tiến hành bảo hiểm để tránh rủi ro hối đoái như thế nào?

Vẫn với điều kiện như trên, hãy cho biết nếu ba tháng sau nhà xuất khẩu Mỹ sẽ nhận được một khoản tiền thanh toán là 1 triệu bảng từ nhà nhập khẩu Anh thì nhà xuất khẩu này sẽ phải tiến hành bảo hiểm để tránh rủi ro hối đoái như thế nào?



Bài tập

5. Giả sử rằng có tỷ giá giao ngay $\$2 = \pounds 1$ và tỷ giá kỳ hạn ba tháng là $\$1.96 = \pounds 1$. Nếu ba tháng sau, nhà nhập khẩu Mỹ phải thanh toán một khoản tiền là $\pounds 10000$ cho nhà xuất khẩu Anh thì nhà nhập khẩu đó phải tiến hành bảo hiểm để tránh rủi ro hối đoái như thế nào?

- 1. Nhà NK Mỹ mua $\pounds 10000$ kỳ hạn 3 tháng**
 - 2. Sau 3 tháng phải trả $19600\$$ để lấy $\pounds 10000$ từ hợp đồng kỳ hạn và thanh toán cho nhà xk Anh**
- So với ngày hôm nay, nhà nk Mỹ đã tiết kiệm được $400\$$**



Bài tập

Giả sử rằng có tỷ giá giao ngay $\$2 = \pounds 1$ và tỷ giá kỳ hạn ba tháng là $\$1.96 = \pounds 1$. Nếu ba tháng sau nhà xuất khẩu Mỹ sẽ nhận được một khoản tiền thanh toán là 1 triệu bảng từ nhà nhập khẩu Anh thì nhà xuất khẩu này sẽ phải tiến hành bảo hiểm để tránh rủi ro hối đoái như thế nào?



Bài tập

Giả sử rằng có tỷ giá giao ngay $\$2 = \pounds 1$ và tỷ giá kỳ hạn ba tháng là $\$1.96 = \pounds 1$. Nếu ba tháng sau nhà xuất khẩu Mỹ sẽ nhận được một khoản tiền thanh toán là 1 triệu bảng từ nhà nhập khẩu Anh thì nhà xuất khẩu này sẽ phải tiến hành bảo hiểm để tránh rủi ro hối đoái như thế nào?

1. Nhà xuất khẩu Mỹ vay 1tr bảng ở NH với kỳ hạn 3 tháng
2. Bán 1tr bảng mua USD trên thị trường giao ngay $\rightarrow$ được 2trUSD $\rightarrow$ gửi NH
3. Sau 3 tháng nhận được 1tr bảng từ nhà nhập khẩu Anh. Dùng số tiền này trả cho NH

$\rightarrow$ Kinh doanh chênh lệch giá

1. Bán 1tr bảng với kỳ hạn 3 tháng
2. Sau 3 tháng nhận được 1tr bảng từ nhà nhập khẩu Anh $\rightarrow$ được 1.96 trUSD

$\rightarrow$ Hoạt động tự bảo hiểm



Bài tập

6. Giả sử rằng tỷ giá kỳ hạn ba tháng giữa đô la và bảng là $\$2 = \pounds 1$ và nhà đầu cơ tin rằng tỷ giá giao ngay ba tháng sau sẽ là $\$2,05 = \pounds 1$. Nhà đầu cơ đó sẽ tiến hành đầu cơ trên thị trường kỳ hạn như thế nào? Nếu dự đoán của nhà đầu cơ là đúng, người đó sẽ kiếm được lợi là bao nhiêu?

Nếu nhà đầu cơ trong bài trên tin rằng tỷ giá giao ngay ba tháng sau là $\$1,95 = \pounds 1$ người đó sẽ tiến hành đầu cơ trên thị trường kỳ hạn như thế nào? Nhà đầu cơ sẽ thu được bao nhiêu lợi nhuận? Điều gì sẽ xảy ra nếu tỷ giá giao ngay ba tháng sau là $\$2,05 = \pounds 1$?



Bài tập

6. Giả sử rằng tỷ giá kỳ hạn ba tháng giữa đô la và bảng là $\$2 = \text{£}1$ và nhà đầu cơ tin rằng tỷ giá giao ngay ba tháng sau sẽ là $\$2,05 = \text{£}1$. Nhà đầu cơ đó sẽ tiến hành đầu cơ trên thị trường kỳ hạn như thế nào? Nếu dự đoán của nhà đầu cơ là đúng, người đó sẽ kiếm được lợi là bao nhiêu?

- 1. Ký hợp đồng mua bảng kỳ hạn 3 tháng theo tỷ giá $\$2 = \text{£}1$**
 - 2. Sau 3 tháng đem lượng bảng nhận được bán trên thị trường giao ngay với mức giá $2,05\$/\text{£}$**
- Nếu dự đoán đúng được $0.05\$/\text{£}$**



Bài tập

6. Giả sử rằng tỷ giá kỳ hạn ba tháng giữa đô la và bảng là $\$2 = \pounds 1$ và nhà đầu cơ tin rằng tỷ giá giao ngay ba tháng sau là $\$1,95 = \pounds 1$ người đó sẽ tiến hành đầu cơ trên thị trường kỳ hạn như thế nào? Nhà đầu cơ sẽ thu được bao nhiêu lợi nhuận? Điều gì sẽ xảy ra nếu tỷ giá giao ngay ba tháng sau là?

- 1. Ký hợp đồng bán bảng kỳ hạn 3 tháng**
- 2. Sau 3 tháng mua lượng bảng cần thiết trên thị trường giao ngay với mức giá $\$1,95 = \pounds 1$ để thực hiện hợp đồng**

→ Nếu dự đoán đúng, lợi nhuận là 0.05\$. Nếu dự đoán sai (tỷ giá $\$2,05 = \pounds 1$) thì bị lỗ 0.05\$



Bài tập

7. Tính điểm kỳ hạn khi biết tỷ giá giao ngay SR và tỷ giá kỳ hạn 3 tháng FR như sau

a. $SR = \$2.00/£1$ và $FR = \$2.01/£1$

b. $SR = \$2.00/£1$ và $FR = \$1.96/£1$